TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 18 - 01 - 2021.
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Nguyễn Thanh Thảo.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh K - sinh năm: 1971.

Địa chỉ: đường L, khóm H, Phường R, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn T - sinh năm: 1963.

Địa chỉ: đường L, khóm H, Phường R, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh K trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị K và anh T chung sống vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 26/12/2002 tại UBND xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do mai mối, không có thời gian tìm hiểu. Quá trình chung sống không có hạnh phúc do anh T không lo kinh tế gia đình, không phụ tiếp tiền bạc cùng chị K. Tiền bạc do anh T tự quản lý và chi tiêu, không đưa cho chị K. Trước đây, anh T có phụ chị K mua gạo, đóng tiền điện sinh hoạt. Nhưng từ năm 2013 thì mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình đều do chị K tự lo. Từ khi chị K nộp đơn ly hôn đến nay thì vợ chồng cũng không còn ăn chung với nhau. Mặc dù sống chung nhà, nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không ai nói chuyện với ai. Thời gian sau này, do buồn chuyện gia đình nên chị K có nhắn tin qua lại với bạn bè trên mạng xã hội cho vui chứ không có tình cảm trai gái gì. Chị K xác định, bao nhiêu năm nay chị K sống với anh T chỉ vì nghĩa vụ chứ không có tình cảm. Nay các con đã lớn, chị Khiết nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống. Chị Khiết yêu cầu ly hôn anh Tấn.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên Phan Đình I - sinh năm: 1995 và Phan Thị Thanh N - sinh ngày: 23/8/2010 (*hiện 02 con chung đang sống với chị K và anh T*). Khi ly hôn, chị K yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Phan Thị Thanh N, chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Riêng đối với con chung tên Phan Đình I - sinh năm: 1995, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị K và anh T tự thỏa thuận. Chị K xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị K có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền 40.000.000 đồng. Chị K xác định đây là khoản tiền vay của riêng cá nhân chị K, không liên quan đến anh T; chị K đã tự thỏa thuận xong với Ngân hàng và anh T về nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị K xác định về nợ chung là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là anh Phan Văn T trình bày*:**

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị K về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn. Theo anh T thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng 01 năm trở lại đây. Nguyên nhân do vấn đề tiền bạc, anh T không đưa tiền cho chị K quản lý, vì từ trước đến nay mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do anh T lo. Hơn nữa thời gian sau này, chị K cũng đi làm và có thu nhập nên anh T không đưa tiền cho chị K.

Bản thân anh T thừa nhận, do công việc nên cuối tuần có đi nhậu cùng bạn bè nhưng không quậy phá gì. Trước đây, khi vợ chồng cự cãi và trong lúc nóng giận nên anh T có đánh chị K, nhưng khoảng 10 năm trở lại đây thì anh T không còn đánh chị K nữa. Khi vợ chồng gây gổ, hai bên cũng có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm lẫn nhau.

Anh T nhận thấy thời gian gần đây chị K có sự thay đổi, sửa soạn cho bản thân nhiều hơn, đi làm thì muốn về lúc nào thì về; có khi đi đâu cả ngày không biết, bỏ bê con cái không lo. Khi về nhà thì chưởi chó mắng mèo. Anh T nghi ngờ chị K ly hôn anh T là do chị K có tình cảm với người khác, vì anh T thấy những tin nhắn trên Zalo với nội dung tình cảm, thân mật.

Anh T xác định khoảng nửa năm nay, vợ chồng sống không còn hạnh phúc, vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, không ăn chung, ngủ chung, mạnh ai nấy sống, mỗi lần nói chuyện thì gây gổ, cự cãi. Anh T nhận thấy bản thân không có lỗi gì với vợ và con; bao nhiêu năm nay anh T vẫn chăm lo cho gia đình. Ngoài ra, anh T vẫn còn tình cảm và còn thương chị K, anh T không đồng ý ly hôn chị K. Tuy nhiên, nếu chị K thừa nhận có tình cảm với người khác và chấp nhận ra đi không mang theo tài sản gì thì anh T đồng ý ly hôn chị K.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 con chung tên Phan Đình I - sinh năm: 1995 và Phan Thị Thanh N - sinh ngày: 23/8/2010 (*hiện 02 con chung đang sống với anh T và chị K*). Trường hợp ly hôn, anh T không đồng ý giao cháu N cho chị K nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Phan Thị Thanh N - sinh ngày: 23/8/2010, anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi cháu N sau ly hôn. Riêng đối với con chung tên Phan Đình I - sinh năm: 1995, đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Trường hợp ly hôn, anh T và chị K tự thỏa thuận. Anh T xác định là không có tranh chấp về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị K có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 40.000.000 đồng. Anh T xác định đây là khoản tiền vay của riêng cá nhân chị K; anh T hoàn toàn không biết và cũng không có liên quan gì đến khoản vay này. Tuy nhiên, hiện nay giữa anh T, chị K và Ngân hàng đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ sau ly hôn xong. Do đó, anh T xác định về nợ chung là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, con của chị K và anh T là cháu Phan Thị Thanh N trình bày*:** Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Thanh K.

***Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Sa Đéc (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có văn bản trình bày*:** Ngân hàng xác định có cho hộ gia đình của chị K và anh T vay số tiền 40.000.000 đồng, vay theo chương trình thoát nghèo, do chị K đại diện hộ gia đình

vay vốn. Khi ly hôn chị K cam kết chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng khi đến hạn. Do các bên đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ và xin không tham gia tố tụng trong vụ án. Nếu sau này chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề I Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh K.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề I Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Phan Thị Thanh N - sinh ngày: 23/8/2010 (*hiện đang sống với chị K và anh T*) cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn; do chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề I Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở. Riêng đối với con chung tên Phan Đình I - sinh năm: 1995, đã thành niên nên đề I Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự chị K và anh T đều xác định là không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề I Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề I Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh Khiết khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phan Văn Tấn là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Phan Văn T chung sống vợ chồng từ năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng

Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị K và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh Tấn nghi ngờ ghen tuông, không tin tưởng chị Khiết dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, khi cự cãi thì vợ chồng cũng có những lời lẽ thiếu tế nhị, xúc phạm lẫn nhau, làm cho tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt không thể hàn gắn. Hơn nữa, chị Khiết cho rằng anh T không lo kinh tế gia đình, không phụ tiếp tiền bạc cùng chị K. Tiền bạc do anh T tự quản lý chi tiêu, không đưa cho chị K. Trước đây, anh T có phụ chị K mua gạo, đóng tiền điện sinh hoạt. Nhưng từ năm 2013 thì mọi chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình đều do chị K tự lo. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, không ăn chung, không ngủ chung, mạnh ai nấy sống, mỗi lần nói chuyện thì gây gổ, cự cãi. Cuộc sống giữa chị K và anh T không có sự quan tâm lẫn nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hòa giải nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ cùng chăm lo cho các con nhưng chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Tấn, không đồng ý đoàn tụ chung sống với anh Tấn.

Tại phiên tòa, chị K xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc; chị K không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh T. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị K cũng cương quyết không sống chung với anh T. Chị K thiết tha yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị K được ly hôn anh T.

Về phía anh T, mặc dù không đồng ý ly hôn chị K; anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị K. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng thường xuyên gây gổ, cự cãi nhau; cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có hạnh phúc. Anh T cũng thừa nhận và xác định là khoảng nửa năm nay, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mạnh ai nấy sống, chị K không còn quan tâm đến anh T. Hơn nữa, anh T cũng xác định là nếu chị K thừa nhận có tình cảm với người khác và chấp nhận ra đi không mang theo tài sản thì anh T đồng ý ly hôn chị K.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*…".

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị K và anh T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị K và anh T đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị K xác định là không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng

không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh T không có hạnh phúc, chị K không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh T, chị K cương quyết xin được ly hôn anh T; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị K cũng không sống chung với anh T. Do đó, xét yêu cầu của chị K yêu cầu xin được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Cả chị Khiết và anh Tấn đều có nguyện vọng được nuôi con chung tên Phan Thị Thanh N - sinh ngày 23/8/2010 (*hiện đang sống với chị K và anh T*). Đồng thời, chị K và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Riêng đối với con chung tên Phan Đình I - sinh năm: 1995, đã thành niên nên chị K và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở...*".

Xét thấy: Tại phiên tòa, anh Tấn thừa nhận công việc làm hồ thu nhập không ổn định, do thời tiết và tình hình dịch bệnh nên thu nhập không ổn định để nuôi cháu Tuyền. Như vậy, về điều kiện kinh tế, anh Tấn không đảm bảo việc nuôi cháu Tuyền được tốt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện kinh tế, chị Khiết đi làm ở công ty Cửu Long, thu nhập ổn định hằng tháng 5.000.000 đồng và được con trai lớn (*cháu Nghị*) phụ tiếp với mẹ nuôi em gái nên có đủ khả năng chăm lo, nuôi dưỡng cháu Tuyền. Mặc khác, vì cháu Tuyền là con gái nên cần có sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ sẽ tốt hơn. Đồng thời nguyện vọng của cháu Tuyền cũng mong muốn được sống với mẹ. Hơn nữa, anh Tấn cũng thống nhất trường hợp cháu Tuyền muốn sống với mẹ thì anh T cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Tuyền cho chị Khiết trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của chị Khiết và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Tuyền. Anh Tấn có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Do các bên đương sự, chị K và anh T cùng xác định là tự thỏa thuận, chị K và anh T không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị K và anh T cùng thống nhất xác định là hiện chị K có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 40.000.000 đồng, vay theo chương trình thoát nghèo, do chị K đại diện hộ gia đình vay vốn. Khi ly hôn chị K cam kết chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng khi đến hạn. Do các bên đương sự, giữa chị K, anh T và Ngân hàng đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nợ và xin không tham gia tố tụng. Đồng thời, giữa các bên đương cùng xác định là không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề I của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến đề I của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của I quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh K. Cho chị Nguyễn Thị Thanh K ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh K được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phan Thị Thanh N - sinh ngày: 23/8/2010 (*hiện đang sống với chị K và anh T*). Chị K không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Anh Phan Văn Tấn có trách nhiệm giao con chung tên Phan Thị Thanh N - sinh ngày: 23/8/2010 (*hiện đang sống với chị K và anh T*) cho chị Nguyễn Thị Thanh Khiết nuôi dưỡng.

- Anh Phan Văn Tấn có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Đối với con chung tên Phan Đình I - sinh năm: 1995 (*đã thành niên*) Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Khiết nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân gia đình*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị K đã nộp ngày 01/10/2020 theo biên lai thu số: 0008342 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Trần Quốc Danh